TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Minh

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 302/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số G, ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số G, ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trung T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 01/7/2004.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

Về nuôi con chung: Bà và ông T có với nhau một người con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm 2005, hiện đã trưởng thành, sống tự lập được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Nguyễn Trung T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung T, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà L, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T vắng mặt không có lý do, bà L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trung T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai trình của bà L, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà L, thể hiện việc ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] Về nuôi con chung: Bà L và ông T có với nhau một người con chung tên Nguyễn Thanh T1 sinh năm 2005, đã trưởng thành nên đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trung T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008525 ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy